

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^o VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanot



Chủ nhiệm : Nguyễn-năng Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-ly : . Cung-dinh-Bính

Chánh chủ-bút : Phan-chung-Thơ
Sư cụ chùa Hàng-Số
Phó chủ-bút : Dương-vân-Hiền
Sư cụ chùa 78-Cát

GIA BAO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

Số bài	Số trang
Thời sự	2
Sự tích chùa Bút-tháp	3-10
Phật-bộc với sự thực tế	10-14
Khóa-hư	15-18
Tồ Huệ-năng	19-25
Tin tức trong hội Phật-giáo Bắc-kỳ	26
Phương danh các vị cúng tiến làm chùa HỘI-quán	27-30

CUỘC XỔ SỔ ĐÔNG-DƯƠNG

Tối hôm 4 Avril tại Saigon đã mở sổ Đông-dương bộ B kỳ phát hành thứ nhất năm 1941

Những vé có 2 con số sau cùng là :
74, 22 và 13 trúng 10p.

Những vé có 3 con số sau cùng là :
235, 755, 337, và 026 trúng 15p.

Những vé có 3 con số sau cùng là :
231 trúng 20p.

Những vé có các số sau cùng là :
5.937, 0.140, 5.148, 9.066, 2.641 trúng 50p.

Những vé có các số sau cùng là :
2.193 trúng 100p.

Những số trúng 500p. là :

153.330 098.053 279.406 010.468 076.301

139.588 087.419 176.849 208.952 218.615

Những số trúng 1.000p. là :

034.159 233.698 101.418 039.405 042.048

Số vé 170.899 trúng một vạn đồng.

PHƯƠNG DANH CÁC VỊ CÔNG ĐỨC CÙNG
TIỀN LÀM CHÙA HỘI QUÁN
TRUNG ƯƠNG

Mme Trần-thị-Bip, buôn bán châu Đà-bắc	--	0\$80
M. Hiền-nhất, châu Đà-bắc,	--	0 30
Mme Nguyễn-thị-Mão, buôn bán châu Đà-bắc,	--	0.30
M. Đình-công-Binh, Chánh-tổng Đức nhân,	--	0.50
M. Nguyễn-văn-Phan, châu Đà-bắc,	--	0.20
M. Hà-công-Thanh, Quan lang mai-thượng châu mai,	--	1 00
M. Hà-công-Nhân, Quan lang chiềng châu xã,	--	1.00
M. Hà-công-Chấn, Lý-trưởng mai thượng,	--	0.50
M. Hà-công-Chấn, Thổ đạo, xóm mỗy, xã mai thượng,	--	0 50
M. Hà-công-Tiền, Thổ đạo, xóm may, xã mai thượng,	--	0.50
M. Hà-văn-Tinh, Tiên chỉ xã mai thượng,	--	0.50
M. Hà-công-Khanh, Thứ-chỉ, xã mai thượng	--	0 50
M. Hà-công-Thương, Chánh-tổng bạch mai,	--	1 00
M. Hà-văn-Cấp, Thổ đạo xóm vãng xã mai thượng,	--	0.50
M. Hà-công-Nam, Phó tổng thanh-mai,	--	1.00
M. Hà-công-Nguyệt, lý-trưởng xã Bao-la,	--	0.50
M. Hà-công-Đượng, thứ chỉ, xã Bao-la.	--	0.50
M. Hà-công-chính, thổ đạo làng bao-la,	--	0.50
M. Đình-công-Nới, Lý-trưởng tân-mai	--	1.00
M. Đình-công-Dâm, Tri châu kỳ-son,	--	2.00
M. Nguyễn-tài-Đàm, Lục sự châu kỳ-son,	--	1.00
M. Nguyễn-văn-Bảy, Tiên chỉ xã Hòa-bình châu kỳ son,	--	0 50

M. Nguyễn-văn-Bổn, lý trưởng xã Hòa-bình	
châu kỳ-son,	— 0 50
M. Nguyễn-văn-Linh Phó lý xã Hòa-bình,	— 0.50
M. Nguyễn-văn-Đông, Thứ-chỉ xã Hòa-bình,	— 0.50
M. Nguyễn-văn-Nội. Lý trưởng xã Phương lâm,	— 1.00
M. Đinh-công-Nếp, Thứ-chỉ xã Phương lâm,	— 1.00
M. Đinh-văn-nhật, Tiên chỉ xã Quỳnh-lâm,	— 1\$00
M. Đinh-văn-Sinh. Lý-trưởng xã Quỳnh-lâm,	— 0 50
M. Bùi-văn-Chê Thứ chỉ xã Quỳnh lâm,	— 0 50
M. Đinh-công-Ngữ, Thổ lang xã Mông hóa,	— 1.00
M. Đinh-công-Bảng, Lý-trưởng cụ xã Mông hóa,	— 0.50
M. Nguyễn-văn-Sái. Lý-trưởng xã Mông hóa,	— 0 50
M. Nguyễn-văn-Kim, Tiên-chỉ xã Mai-thôn,	— 0.50
M. Nguyễn-văn-Đang, phó-tổng hòa-bình	
xã Mai thôn,	— 1 00
M. Đỗ-văn-Đặng. lý trưởng xã Mai thôn	— 0.50
M. Nguyễn-duy-Hoàn, chánh-tổng hòa-bình,	
xã Túy-cổ-thượng,	— 1.00
M. Ngô-văn-Khi Lý-trưởng xã Túy-cổ-thượng.	— 1.00
M. Nguyễn-mỹ-Nương Lý-trưởng xã Túy-cổ-hạ,	— 0.50
M. Nguyễn-nhiều-Biên, Tiên-chỉ xã Túy-cổ-hạ,	— 0.50
M. Nguyễn-nhiều-Thế, Phó lý xã Túy-cổ-hạ,	— 0.50
M. Nguyễn-văn-Lợi, cụ phó-tổng xã túy-cổ-hạ,	— 0.50
Mme Đinh-thị-Lữ, xã Cao-phong,	— 1.00
M. Đinh-công-Ninh, lý-trưởng xã Cao-phong.	— 0 50
M. Đinh-công-Kỳ Tiên-chỉ xã Cao-phong,	— 0.50
M. Bùi-văn-Ấm, Lý-trưởng xã Thạch-yên,	— 0.50
M. Đinh-công-Bình, tiên-chỉ xã Thạch-yên,	— 0 50
M. Bùi-văn-Nội, Thứ chỉ xã Thạch-yên,	— 0.50

M. Đinh-vấn-Thân, Kỳ-mục xã Thạch-yên,	— 0\$50
M. Quách công-Hậu, Thổ-lang, xã Phúc-tuy, châu Lạc-son	— 1.00
M. Quách-Đàm hiên Xuân-Ân, xã Thân-thượng.	— 1.00
M. Cao-viết-Bội, Thổ-lang, xã Lạc-nghiệp	— 1.00
M. Bùi-văn--Cổ, lý-trưởng xã Thân-thượng	— 1.00
M. Cao-viết-Tảo, xã Ngọc-mỹ	— 0.50
M. Cao-viết-Hạnh, xã Ngọc-mỹ	— 0.50
M. Cao-viết-Thâm, Thổ-lang xã Ngọc-mỹ	— 1.00
M. Cao-viết-Định, tiên-chỉ xã Ngọc-mỹ	— 1.00
M. Bùi-văn-Chêu, Phó lý xã Ngọc-mỹ	— 1.00
M. Bùi-văn-Niết, Kỳ-mục xã Ngọc-mỹ	— 0.50
M. Bùi-văn-Tô, xã Ngọc-mỹ	— 0.50
M. Bùi-văn-Toại, xã Ngọc-mỹ	— 0.50
M. Cao-viết-Cung, Thổ-đạo xã Ngọc-mỹ	— 0.50
M. Bùi-vấn-Nghĩa, Kỳ-mục xã Ngọc-mỹ	— 0.50
M. Quách-Phẩm, Tiên-chỉ xã Đông-lai	— 1.00
M. Quách-Tước, xã Đông-lai	— 0.50
M. Quách-Chung, Chánh-tổng xã Đông-lai	— 1.00
M. Bùi-văn-Cương, lý-trưởng xã Đông-lai	— 1.00
M. Hình-thế-Lục, Thổ-lang xã Thanh-bối	— 1.00
M. Quách-Chí, thổ-đạo xã Thanh-hối	— 0.50
M. Quách-Tiến, thổ-lang xã Tử-nê	— 0.50
M. Quách-Nhân, xã Tử-nê	— 0.50
M. Vũ-hữu-Soạn, ngụ ở xã Tử-nê	-- 1.00
M. Phạm-văn-Nễn, ngụ ở phố Đông-lai	-- 0.50
M. Quách Bờ, Hội-viên xã Tử-nê	-- 1.00
M. Bùi-văn-Lộng, phó-tổng xã Qui-hậu	-- 1.00

M. Quách-Chung, quản-xã Mẫn-đức	--	1.00
M. Quách-Quang, lý-trưởng xã Mẫn-đức	--	1.00
M. Bùi văn-Thư, Sư-mo chùa Kim-sơn, xã Mẫn-đức	--	1.00
M. Quách-Điêu, phụng Phật-đạo-sĩ, ở chùa Kim-sơn, xã Mẫn-đức	--	7.00
Mme Cung-thị-Phiêu, tức bà Chánh Tý 52, Hàng Bạc Hanoi		100.00
Mme Trần-thị-Lục, 55, Hàng Bồ Hanoi		10.00
Mme Nguyễn-thị-Tồn, tức Vinh-lợi, 18, Hàng Trống Hanoi		10.00
Mme Nguyễn-phúc-Lợi née Đào-thị-Mùi, 18, Rue des Radeaux Hanoi		100.00
Vô danh		5.00
M. Phạm-gia-Thái, chủ sự Bưu-điện hưu trí, làng Đông-ngạc, phủ Hoài-đức Hadông		5.00
Mme Nguyễn-thị-Huấn ở Thái-ninh Thái-bình		10.00
Mme Nguyễn-thị-Gia, ở Thái-bình Thái-bình		20.00
M. Phạm-hữu-Liễn, tri-huyện Yên-mỹ Hưng-yên		3.00
M. Trần-ngọc Chúc, giáo-thụ	--	1.00
M. Nguyễn-Tuân, thừa-phái	--	0.50
M. Đỗ-mạnh-Phan, lục sự	--	2.00
Mme Lê-thị-Thuần, làng Hoàng-đôi	--	0.50
Mme Nguyễn-thị-Nhuận làng Hoàng-đôi	--	0.50
M. Nguyễn-xuân-Hòa, lý-trưởng làng Hoàng-đôi	--	0.50
M. Lưu-ngọc-Toát, lý-trưởng làng Liêu-trung	--	0.50
M. Hà-quang-Thiệu trưởng-bạ làng Thanh-nga	--	0.30
M. Trương-văn-Như, giác-học	--	1.00
M. Hà-xuân-Tống, chánh-hội làng Thanh-nga	--	0.50

SỰ TÍCH CHÙA BÚT-THÁP

Chùa Bút-tháp ở làng Bút-tháp, thuộc phủ Thuận-thành, tỉnh Bắc-ninh, cách tỉnh lỵ độ 20 cây số. Đi từ Bắc-ninh đến chùa thì phải theo con đường hàng tỉnh xuống bến đò Hồ (người tây gọi là « bac de Chiné » hay « bac des Rapisés » qua làng Bô-sơn, Hộ-vệ, Tử-vi, Chi-nê, rồi đến bến đò. Qua con sông Đuống sang bên kia là địa phận làng Lạc-thò, ở đò lên, đến con đê sông Đuống, rẽ về tay phải, đi độ tám cây số thì thấy chùa ở về bên tả. Ở Hanoi sang thì đi đến cầu sông Đuống, cách Hanoi hơn mười cây số, rẽ sang tay phải, theo con đê sông Đuống độ 20 cây số thì thấy chùa ở về bên hữu. Đường tốt đi xe tay hay ô-tô được cả.

Đời xưa làng Bút-tháp gọi là làng Nhận-tháp, chùa làng Bút-tháp gọi là chùa Ninh-phúc. về đời Hậu-Lê nước ta, có hai vị sư người Tàu đến trụ trì ở đây, Sư cụ hiệu là Chuyết-chuyết, và sư ông thì hiệu là Tại-tại. Thời ấy, chùa Bút-tháp còn nhỏ, chỉ có một gian hai chái mà thôi. Sư cụ Chuyết-chuyết đến nơi tu bổ lại, mở mang thêm ra, rồi đặt tên gọi là chùa Ninh-phúc.

Đến năm Giáp-thân, niên hiệu Phúc-thái (1644) đời hậu Lê, sư cụ Chuyết-chuyết tịch đi, sư ông Tại-tại nối nghiệp. Sư ông Tại-tại nhờ có bà Hoàng-thái-Hậu nhà Lê, không rõ tên là gì (1) nhưng biết là con gái họ Trịnh, xuất tiền của đứng bưng công tu sửa lại, làm

(1) Có lẽ là mẹ vua Phúc-Thái nhà Lê, vì rằng sau tấm bia còn dựng ở cửa chùa có chữ 當今黎朝皇太后 mà niên hiệu khắc ở bia ấy là: 辰黎朝福泰五年.

các lâu đài, Tam-bảo và dựng miếu điện, làm hậu thờ cha mẹ. Tu bồ xong, sư ông Tại-tại có dựng lên tấm bia hiện bây giờ hãy còn để khen ngợi và kỷ-niệm công-đức sư Tổ và những người từ thiện đã xuất tài xuất lực ra để sửa sang cho chùa Bát-tháp có vẻ uy-nghi tráng lệ.

Trong tấm bia ấy có những bài ca tụng như là : « mở mang ngôi chùa này, làm nên mới mẻ, lộng lẫy, là do tấm lòng từ hiếu và biết yêu người, mà khởi xướng lên việc công quả này là bởi từ thiện tinh có đại đức nhân nghĩa... Lòng quý Phật trong sáng như mặt nguyệt giữa giờ, giọt cam-lộ hòa với đám mây lành che khắp. Dầu là từ tấm lòng kính tin của các bà Hoàng-cung, nhưng thực đã thấm-thía phong-hóa thanh cao của đạo Phật mới nên như thế... » Đoạn kết có câu :

« Giả ngày giả đốt, ấy chính là khuôn phép của đức mẹ thiên-hạ thên-thên, lộng-lộng quả đã thấu được phép Phật hư-không. Sao có tấm lòng rộng rãi mà dốc tin đạo Phật được thâm thúy như vậy... »

Chùa Bát-tháp có một cái địa-thế rất đẹp. Đứng đằng trước, trông qua những cánh đồng bát ngát thì thấy làng Tam-á và làng Đại-tự là nơi có lăng và đền thờ đức Sĩ-vương. Trước cửa chùa có một cái tam-quan thấp, mái lợp ngói Tàu, trông chắc-chắn lắm. Qua một cái sân, hai bên cây lú, giữa là lối đi thì đến một cái gác, trên treo một quả chuông, dưới có tượng thờ. Sau gác chuông, ở hai bên cổng vào, có hai cái nhà con, trong dựng hai tấm bia to bằng đá lâu ngày đã nhẵn, nhưng chữ còn đọc được. Qua cái cổng ở gần chỗ nhà bia bên hữu thì vào chùa.

Trong nhà ngay cửa vào thì ở phía đông có tượng Long-thần, phía tây có tượng ông Thánh-Tăng. Hai gian bên là tượng hai vị Hộ-pháp, ở khoảng

giữa, hai bên hành lang có tượng thờ Thập điện Diêm-vương để trong khám, ngoài lồng kính, Chính giữa có tượng Cửu-long, bên là hai pho « Trụ-trì ».

Ở thượng điện, chính giữa là tượng Tam-thế và Tứ-đại bồ-tát, rồi đến tượng Phật Quan - Âm, hai bên là thanh-đồng ngọc nữ.

Gian bên hữu thì có tượng đức Thiên-thủ Thiên-nhờa rất to, ngồi trên một cái bệ đá, có những giống vật bề như rồng, thường - lưỡng vân vân... Trường Báo-cò đã lấy mẫu pho tượng này làm một pho đúc kích thước hiện để ở viện bảo - tàng Finot. Bên ngoài có tượng ngài A-nan và ngài Văn-thù.

Gian bên tả thờ tượng đức Phật Tuy-t-sơn, bên ngoài là tượng đức Ca-diếp và ngài Khái-biên.

Hai bên đông tây có 18 vị La-hán.

Sau chùa có động nặn bằng đất và một cái tháp chín tầng bằng gỗ sơn son thếp vàng, có chạm những sự tích về đạo Phật, đặt trên một tòa sen cũng bằng gỗ sơn son, có bánh xe, có thể quay đi quay lại được. Tháp ấy gọi là « Cửu-phân liên hoa án ».

Qua cửa sau, có một cái cầu con bằng đá, rồi đến mấy gian nhà khách và nhà thờ Tổ.

Ngoài chùa là chỗ thờ các bà công-chúa và các ông quận-công đã có công đức vào chùa.

Đằng sau chùa có nhiều tháp. Cái to nhất gọi là tháp Báo-nghiêm ở am Hiển-thụy, trên có một cái bát, do sư ông Tại-tại dựng lên để báo ân sư Tổ Tháp ấy bằng đá, có cửa nhỏ chạm hình Phật rất công phu. Trong tháp có táng cốt sư cụ Chuyết-chuyết. Sư ông Tại-tại dựng xong tháp Báo-nghiêm có nhờ một nhà cư-sĩ người Tàu tên là Âu-dương Vượng - dâng là người đã được gần gọi sư Tổ Chuyết - chuyết làm một bài văn bia để kỷ-niệm công-dec sư Tổ.

Xem bài văn ấy thì biết sự cụ Chuyết-chuyết là người Tàu, quê ở quận Chương-hải, họ Lý, pháp-danh là Viên-văn và tên hiệu là Chuyết-chuyết. Ông đi một chiếc thuyền nhỏ, vượt bể đem đạo Phật truyền bá sang nước khác. Ông có khí tượng lạ lùng, lại có tài cảm hóa được người. Vua thấy ông liền rước lên thờ làm thầy. Ông Dũng-lễ-Công là người quyền cao chức trọng, những bậc công, hầu, khanh, tướng thời bấy giờ ai cũng chỉ mong được gần-gũi để mà thờ phụng, thế mà thấy ông cũng phải kính trọng cảm phục đi hầu ông, để ông dong chơi các chợ.

Ông Áu-dương Vượng-dăng làm bài văn bia kỷ-niệm tả cái đức-tính của sự cụ Chuyết-chuyết có nói rằng :

« Ta đây học theo đạo Phật, lãnh đời sống nước Nam, được hội diện đàm đạo với ông Chuyết-chuyết ở chùa Khán-sơn trong thành Thăng-long. Lúc mới ta còn tưởng ông là người cuồng, lâu dần ta mới biết ông là người rộng-rãi, thông-minh, trong lòng không có vương bận chút gì. Ông lại có tài ngôn luận, bốn cột cả các bậc công, khanh, có đức trung hậu, kính già, yêu trẻ, coi thiên-tử như bạn thân, khinh tiền của như cỏ rác. Ông vốn không có của mang tới đây, ông đi xin được ít nhiều, liền chao tay cho kẻ đói, cầu người được manh áo, bèn làm phúc cho kẻ rét. Ông có khí-tượng hơn người, từ xưa chưa ai bằng. Tấm lòng từ bi, bác ái của ông, dù trải bao nhiêu đời cũng chưa ai sánh kịp, ông thực là người khác hẳn với đời, có cái phong thái thanh cao, như là thần tiên giao-giao ở ngoài cõi hồng-trần vậy. Trước ta thấy ông là người phóng khoáng, không giữ gìn những cái lễ phép nhỏ nhặt, và lấy làm chán. Thế mà ông cứ hòa nhã như ông Liễu-hạ-

Huệ, không trách ta. Kịp đến, lúc cùng ở với nhau vài tháng, mới biết tấm lòng ông như đoá hoa sen, chẳng dính chút bùn bần tiện. Ta kính phục ông nhất là vì ông có đức tính giới-hạnh, nhẫn-nhục và có tài biến hóa khuấy tan. Vậy ta tin rằng ông là một vị Phật Tuệ-giác giảng sinh. Nếu ông không học được cái đạo uyên nguyên thâm thúy ở nơi Tuyết-linh, thì sao ông có cái đức tính trong sáng khác thường được. Ông mở nên cái cửa cam-lộ đề mà bố thí, làm nên một đoạn nhân-duyên như mở cánh cửa này, mà ông cũng coi như thường, chẳng lấy thế làm công danh, ông đã tịch rồi, người đệ tử (tức là sư ông Tại-tại) dựng lên cây tháp miếu năm tầng này để thờ ông, thực đã tỏ được tấm lòng hiếu hạnh vậy. Nay cây tháp đã hoàn thành, phải ghi sự tịch rồi rành cho thiên-hạ biết, và những nhà công đức có ruộng cúng vào chùa bao nhiêu đều khắc cả vào tấm bia này để lưu truyền thiên cổ. Sư bản tự pháp danh Tại-tại có xin ta bài văn bia làm kỷ-niệm. Vậy ta phải kính cẩn cầm bút soạn bài bi-minh».

Bài minh ấy xin lược dịch sau đây :

- « Năm tầng tháp miếu,
- « Tầng cốt sư Chuyết,
- « Giải thoát siêu-sinh,
- « Chim tước đọc kinh,
- « Nhạc giới động vang,
- « Vàng đá choang choang,
- « Đao rộng nghĩa lớn,
- « Giới đất cửu trường,
- « Ở đâu đến đây,
- « Khất thực thập phương,
- « Khó gì việc ấy,
- « Tuyên truyền đạo Phật,

- « Đắc đạo dong chơi,
- « Thích ý nghĩ ngơi,
- « Vinh hoa chẳng chuộng,
- « Nhớ nhục chẳng nề,
- « Đói nhờ ông no,
- « Rét nhờ ông ấm,
- « Người hiền gặp ông,
- « Thêm sinh tri - tuệ,
- « Người mê gặp ông,
- « Mở mang đường lối,
- « Ông chẳng nghĩ gì,
- « Coi đời như không,
- « Xem vàng như đất,
- « Quý đạo mà thôi ».

Sư cụ Chuyết-chuyết sinh ngày mồng hai tháng hai năm Canh-dần niên hiệu Vạn-lijch (1590) nhà Minh bên Tàu, đến giờ Hợi ngày rằm tháng bảy năm Giáp-thân, niên hiệu Phúc - thái (1644) triều Lê thì mất, thọ 55 tuổi, được nhà vua phong cho là « Minh-việt phò giác quảng thế đại đức thuyên sư ».

Cạnh tháp Báo-nghiêm có cái tháp thứ hai thấp hơn, cũng bằng đá, gọi là Tôn-đức tháp, trong có táng cốt sư tổ đệ nhị tức là sư ông Tại-tại, đệ tử sư cụ Chuyết-chuyết. Cứ xem bia thì biết sư ông Tại-tại là người họ Hà, quê ở phủ Kiến-xương tỉnh Giang-tây bên Tàu. Đến năm Quý-dậu niên hiệu Đức-long (1633) đời Lê thì theo sư tổ đệ nhất đến tu ở chùa Bát-tháp. Năm Giáp-thân, niên hiệu Phúc-thái (1644), sư cụ Chuyết-chuyết lịch đi thì sư ông Tại-tại lên nối nghiệp. Ông làm sư tổ đệ nhị được 15 năm, đến ngày 25 tháng ba năm Kỷ-hợi, niên hiệu Vĩnh-thọ (1659) nhà hậu Lê thì quy tây, thọ được 64 tuổi.

Xem bài bia khắc sau cái bia thứ hai thì biết rõ rằng việc mở mang chùa Bát-tháp được trang-

lệ là do sự tổ đệ nhị dụng công tu bỏ, trên thì nhờ có các bà hoàng-hậu cung-phi, công chúa, cùng là các công, hầu, khanh, tướng, dưới đến dân-gian, kể nhiều người ít gom góp vào mới thành công quả.

Sư ông Tại-tại mất rồi, thì có một bà Hoàng-hậu, con một vị đại-thần không rõ là ai, lấy vua cũng không biết đích là vua nào, rồi chán đời đến tu ở chùa Bát-thập làm sư tổ đệ tam, hiệu diệu Viên, hiện còn có tháp ở sau chùa. Sư tổ đệ tam cùng với bà vợ chúa Trịnh tên là Trương-thọ Ngọc-Giả và con gái tên là Trịnh-thị Ngọc-Đài, xuất công của ra tô tượng và làm đồ thờ trang hoàng trong chùa.

Sư tổ đệ tam tịch đi thì đến tháng tư năm Kỷ-mùi niên hiệu Vĩnh-hựu thứ năm (1739) triều Lê có bà sư tổ thứ tư tên là Tĩnh-xái đến tu ở đây, đứng hưng công tô tượng Phật tổ và dựng lên cái tháp « Cửu phẩm liên hoa » đã nói ở trên.

Bát-thập là một ngôi chùa vào bậc cổ ở nước ta, khách thập phương đến văn cảnh, ai cũng phải chịu cái trí quảng đại của người đã có cái sáng kiến dựng lên chùa ấy, và cái tài lực của những nhà từ thiện đã tu bỏ vào đây. Tượng thờ trong chùa pho nào trông cũng tinh xảo. Những cái án-gian đề thờ, cái nào cũng sơn son thếp vàng chạm chỗ rất là công phu.

Chùa Bát-thập hiện nay thuộc về trường Bác - cổ trông coi gìn giữ. Năm trước đồ nát, nhờ có trường ấy, mới sửa chữa lại được, giá không thì có nhẽ ngày nay chỉ còn là nơi vết tích mà thôi. Ôi! một nơi danh lam cổ tích như thế, mà để đến trường đồ rêu phong, khách văn cảnh muốn tìm nơi diễm cổ gì cũng không có ai chỉ nôi. Mới hay cảnh đẹp mà không có người, thì cũng mất cái vẻ đẹp đi nhiều lắm, thậm chí trong chùa có lắm chỗ kiến xong, đất đùn lên thành đồng. Có lẽ các vị ấy hiểu lầm, cho

đó cũng là công việc của trường Bắc-cổ, không thể can dự được. Một ngôi chùa cổ to-tát lộng-lẫy như chùa Bát-thập mà không được người đứng đầu, cần mẫn, hiểu thấu đạo tu hành trông nom giữ gìn thì thực là đáng tiếc!

Mong rằng hội Phật-giáo Bắc-kỳ ta, có tài lực lưu tâm đến việc lựa chọn lấy những vị chân tu, thực có lòng, có đạo, cử đều trông coi những ngôi chùa cổ như chùa này thì mới hồng bảo tồn những nơi thắng tích thờ Phật trong nước được.

Đỗ - đình - Nghiêm

Đức-học - Bắc-ninh

Phật - học với sự thực tế

(Thuật theo ý-kiến của Butai Tamamatsu)

I. — Sự phát minh ra đạo Phật ở Âu-châu

Xưa người La-mã và Hy-lạp đã có bản đến đạo Phật, nhưng đây ta không cần xét đến đoạn, lịch sử lâu đời, mà chỉ cần xét xem cái dư luận của Âu-châu ngày nay đối với đạo Phật ra sao.

Âu-châu đã có su hướng với đạo Phật.

Vì ít lâu nay họ phải ngạc nhiên vì đạo Phật đã ra công nghiên cứu. Các người tham khảo đạo Phật này phần nhiều là những nhà binh sĩ, những nhà ngoại-giao, nên cái mục-dịch của họ theo ý tôi, không phải là cái mục-đích khoa-học duy nhất. Than ôi! chẳng có kẻ nào nhất tâm nghiên cứu đạo Phật cả, một đạo thật cao thượng và thật tôn quý. Về giữa thế kỷ thứ mười chín, các nhà thông thái Âu-tây mở rộng giới học của họ ra là do ở những điều biết rất rộng của họ về khoa ngữ-học, và ở sự nghiên cứu về các tôn-giáo so sánh. Họ hiểu được những

liên lạc ở tiếng nói của họ với các nền tôn-giáo của họ hay với các nền tôn-giáo Ấn-độ. Đồng thời sự tiến bộ của những công nghiên-cứu về tiếng nói, đã cho họ đọc được nguyên văn những kinh điển Ấn-độ. Đạo Phật trước kia là một vật quái gở, nay đã trở nên một sự quen quen trong đời sống thái tây.

Vả những công cuộc vĩ đại của họ đã làm được ở Phương Đông trong thế kỷ vừa qua. đem cho họ một quan niệm mới, sự tò mò về các vật nước ngoài: Một vài người học thức xoàng đã phò phang vụng về và quá đáng đạo Phật trước công chúng, nên kết quả của họ đáng để phân nản. Vì vậy đối với công chúng thái tây, đạo Phật chỉ là một tôn-giáo Đông-phương, tôn-giáo của những chủng tộc thấp hèn, không thể gây cho người thái tây một món ăn tinh thần nào cả. Tóm lại đạo Phật không bao quát được cả nhân loại.

Vì đâu mà có sự xét đoán nhảm như vậy? Vì cách diễn tả tư tưởng Ấn-độ là những tôn chỉ bi-quan, mà cái nền tảng là thuyết « không-ta ». Người thái tây vì chưa học đến thuyết ấy thì hiểu sao được cái tinh thần nhà Phật. Nếu họ học hỏi đến nơi thuyết « không-ta » sẽ là một vấn đề rất quan trọng cho họ, như ở Ceylau, ở Diên-diện, ở Xiêm-la, ở Việt-nam, ở Mông-cô, ở Trung-hoa hay ở Cao-ly, tư tưởng Âu-châu cũng có thể chau ròi bằng đạo Phật được, nhưng vì ánh sáng chính đạo chưa giới khắp nên người Âu bán-bổ. Còn như trong mấy xứ vừa kể trên, từ xưa tới nay, nền tôn-giáo thường bị chính thể kiềm chế. nên sự hoạt động tinh thần ở các chùa không có chút ảnh hưởng nào gọi là cầm đầu cho đời sống của dân chúng cả. Tôi không chối rằng thế nào cũng có những điều đáng kể, trong các chùa ở miền núi có những bậc tu hành sống theo giới luật nhà Phật. song ta cũng phải nhận rằng những bậc đại đức đáng kính đáng trọng ấy không đem lại cho đời thực tế một chút

lợi ích nào cả, các ngài còn tỏ ra rằng đã lánh xa hẳn đời tục. Hơn nữa, tôi cũng không nói trái lại là không có những bậc cao minh trong các miền ấy, nhưng thực ra thì sự nghiên cứu của các ngài ấy, chỉ ở trong một phạm vi tư tưởng quá hẹp, không ăn sâu vào những vấn đề đại - thể của đạo Phật các ngài đã sao nhãng những phép cần thiết hay những vấn đề có thể mang ra thì hành cho đời mới được, các ngài chỉ lo lắng tới cái lễ lối cổ hủ xưa. Vậy thời không có một sự tươi tốt nào cả, không có một sự tiến hóa nào suốt, trong việc nghiên cứu của các ngài. Vì vậy mà người Thái tây chỉ được thấy những chùa và những tín đồ kể trên, họ không thể nào là không tin rằng đạo Phật chỉ là cái tôn chỉ đã tạo ra cho những chủng tộc sắp sa ngã, và họ không thể thấy được trong đạo Phật một cái sức mạnh nào có thể cảm hóa được cái tinh thần Thái tây của họ.

Nhưng từ hai ba mươi năm, ta được chứng kiến nhiều sự thay đổi đáng kể trong việc này. Khắp Âu - châu đạo Phật phổ thông dần, công chúng biểu hiện ra lắm sự bất bình với những điều biết không chắc chắn và mập mờ của những nhà học-giả Thái tây ở phương Đông thuộc địa về.

Do vậy mà thái độ người Âu đổi khác hẳn, trước đạo Phật họ tự hỏi rằng không biết trong đạo Phật có một món ăn tinh thần nào không. Tóm lại sự thay đổi đức dục này không phải là một sự lợi ích cho những người Âu đại trí thức sao? Nhờ đó mà họ biểu được cái giá trị của những vật nước ngoài và châu đời thêm đĩnh dục của họ. Ta thấy biết bao nhiêu người Âu đã hưởng thụ, đã hưng thịnh, đã thực hành những vật ra nước ngoài trong những giới mỹ-thuật, kỹ-nghệ, văn-chương hay trong các giới khác. Sự Phát minh mới mẻ ra đạo Phật này, đại khái, đã thay đổi hẳn những su hướng của người Âu trong việc

ngiên cứu Phật-pháp, và họ đã đề công tìm tòi đạo Phật trong các chủng tộc phương Đông, trong đời sống hàng ngày của chủng tộc ấy.

Người Thái tây không thể nào coi đạo Phật là một vật của những tổ tiên các chủng tộc sập sa ngã để lại. Gia dĩ họ phải bắt buộc nói rằng : « Đạo Phật vẫn đang sống trong một góc quả cầu, . Nó vẫn sống mặc dầu sự tiến bộ về Vô-tuyến-diện đã làm cho thế-giới của thế kỷ thứ hai mươi này nhỏ lại ».

Người Thái-tây thường nghĩ rằng : Đạo Phật có thể lấp đầy cái rỗng của nền văn-minh thái-tây được. Nhất là độ mười năm nay, tôi thấy cái su hướng ấy này nở dần trong các giới Âu hay Mỹ một cách rất rõ rệt.

Ở Frohnau, trong thành Berlin có một ngôi chùa gọi là « Buddhistisches Haus » của Dr Dahlke lập ra. Trong cảnh tịch mịch của chùa ấy có rất nhiều người Đức tu Tội đã có dịp được dự một buổi lễ rất long trọng chùa ấy và được cái hân hạnh thăm hết các nơi trong chùa. Trong châu thành Berlin có hàng vạn Phật-tử người Đức, họ không muốn coi đạo Phật về phương diện chính-trị và không cho đạo Phật là một vật của sự tỏ mò, Với họ, đạo Phật không phải là tôn giáo của một chủng tộc thấp hèn, trái lại chính là một nền tôn giáo cao thượng diệu dụng hơn và sắc đáng hơn.

Tôi có quen vài người bạn người Đức ở Ceylan, một người trong số ấy đã lập ra hội Quốc-tế Phật-giáo mà đại biểu ở Pháp cũng đã bàn, ở Anh cũng có nhiều Phật-tử lắm, ai đã qua Londres đều phải biết hai ngôi chùa lớn ở kinh đô ấy, hàng ngày công chúng luân-đôn được nghe các thanh niên Anh giảng kinh, ở Pháp ta cũng thấy có nhiều cuộc vận-động Phật-giáo rất thành thực. Đây tôi không kể các bạn ở phương Đông trong Bảo-tàng Guimet và tôi cũng không kể những người nghiên cứu đạo Phật trong trường Sorbonne, nhưng tôi muốn nói tất cả công chúng Pháp, dù rằng người Pháp mến đạo Phật hay không ta cứ lấy mấy chứng cứ sau này

thì đủ rõ, ở Pháp đã xuất-bản quyển « Pourquoi je suis bouddhiste » của Maurice Marge, hay nhiều quyển khác tuy nhỏ nhưng rất có giá trị, ở Paris còn xuất bản quyển « Les sutés bouddhiques japonaises » của Steinilber-Oberlin và Kumi Matsuo, và lại có một vài người Pháp đề lập Hội Pháp-Nhật Phật-giáo. Nước Pháp là một nước chuộng mỹ-thuật, thiện nam Pháp và tín nữ Pháp chuộng nền mỹ-thuật nhà Phật lắm.

Ít lâu nay ta thấy ở Pháp và ở Ý có nhiều cuộc vận-dộng Phật-giáo. Cái duyên này không phải là đã bắt thụ trong chính trị của người Pháp ở Đông-dương, trong sự tò mò của giống người la-tanh hay hơn nữa trong sự giao dịch, nhưng chính thực là do lòng ham muốn một nền văn minh, do một su hướng triết học cá nhân và do một sự cần dùng giáo dục cá nhân. Bởi vậy người ta không chú ý vào các khoa nghiên cứu so sánh của khoa nhân-chủng-học, của khoa tôn-giáo-học, của khoa xã-hội-học hay của khoa ngữ-học, người ta chỉ cần chuyên về một sự tĩnh lý cá nhân mà nó có cái đặc điểm là coi đạo Phật như một tôn-giáo đang sống, đạo Phật như một tôn-giáo.

Một sự tiến hóa trong nền học thức ở Âu-châu về đạo Phật như vậy, bảo cho chúng ta chư Phật-lữ Nhật bản, phải hiểu điều cần thiết và cái bổn phận là làm thế nào cho người phương tây hiểu rằng đạo Phật đang sống.

(còn n...)

Nghiêm-vấn Hội

獻香偈

沉水禪林香馥郁

旃檀慧苑蓋栽培

戒刀削就聳山形

薰向心爐長供養

十九

獻花偈

心地開時誇爛熳

諸天雨處讓芬芳

枝枝朵朵獻佛前

億劫業風吹不落

啓白

敬啓十方大覺。三世雄師。注甘露而濟群飢。握神珠而投諸暗。窈聞虬催既五。鷄唱方三。玳筵之燭影消。

殘銀漢之星躔滅沒。蝴蝶翻回於世夢。捕牢撞破於天陰。淡蟾半入碧山頭。紅日未生滄海面。古壁頻催蛩韻。御街初動馬蹄。城頭繚繞淡寒煙。天外霏微迷曉露。適羽客朝真之際。當繡流行道之時。千家萬室門未開。一夜六時功已就。忙忙世路。擾擾群生。雖驚當夜伏枕眠。未醒終身開眼睡。諸佛子。若縱終宵諸欲樂。便教徹曉一心昏。致此羈縻一生。由於昏散二字。爲你直開一線道。將來畱共作家看。當知人命難常。勿放此時蹉過。管取眼前淨土。認來心裏弥陀。若

KHÓA - HƯ GIẢNG YẾU

HÁN :

Hiển hương kệ

Chăm thủy thuyền lâm hương phức úc,
Chiên đàn tuệ uyển cự tải bồi.
Giới đao trước trụ tủng sơn hình,
Nhật hướng tâm lô trường cung dựng.

Hiển hoa kệ

Tâm địa khai thời khoa lạn mạn,
Chư thiên vũ xứ nhượng phân phương.
Chi chi đóa đóa hiển Phật tiền,
Ưc kiếp nghiệp phong xuy bất lạc.

Khải bạch

Kính khải : Thập phương đại giác, tam thế hùng sư,
Chú cam lộ nhi tế quần cơ, ác thần châu nhi đầu
chư ám. Thiết vấn : Dận thời ký ngũ, kẻ sùng phương
tam. đại duyên chi chúc ảnh tiêu

VIỆT :

Bài kệ dâng hương

Hương này lấy ở rừng thuyền,
Trồng trong tuệ uyển thiên nhiên ngọt ngào.
Đao giới vót hình núi cao,
Đốt lò tâm nguyện muốn thấu cùng dâng.

Bài kệ dâng hoa

Hoa tâm nở màu tốt tươi,
Mùi thơm sực nức hoa trời kém xa.
Trước Phật xin dâng cả hoa,
Muốn thu gió nghiệp tha hồ chẳng lay.

Tâu bạch

Kính tâu : Đại giác thập phương, hùng sư tam
thế rớt cam lộ cứu kẻ cơ cầu, cầm thần châu
soi nơi lấm tối, Chạm nghe sáu kêu năm rạo, gà
rục ba hồi. Bóng được niệc mỗi hồ tàn hết...

HÁN :

tán, ngàn hán chi tinh chiền giết một. Hồ điệp phiến
hồi ư thể mộng, bồ lao tràng phá ư thiên âm, Đạm
thiền bán nhập bích sơn đầu, hồng nhật vị sinh
thương hải diện. Cỗ bích lân thôi cung vận, ngư hai
sơ động mã đề. Thành đầu liệu nhiều đạm hàn yên,
biển ngoại phi vi mê biểu lộ. thích vũ khách chiều
chân chi tế, đương chuy lưu hành đạo chi thời. Thiên gia
vạn thất môn vị khai, nhất dạ lục thời công dĩ tự.
Mang mang thế lộ, nhiều nhiều quần sinh. Tuy kinh đương
giả phục chăm miên, vị linh chung thân khai nhãn thụ.
Chư Phật-lữ : nhược túng chung tiêu chư dục lạc, tiện giáo
chiết hiệu nhất tâm hôn. Chí thử cơ my nhất sinh, dò
ư hôn tán nhị tự. Vị nễ chực khai nhất tuyến đạo, trong
lai lưu giữ tác gia khan. Đương tri nhân mạnh nan thường.
vật phóng thử thời sai quá, Quân thủ nhân tiền tịnh độ,
nhận lai tâm lý Di-đà. Nhược...

VIỆT :

... bóng sao ngàn hán đã lặn rồi, rắc điệp lại
quay về thể mộng, tiếng chuông khua tán chốn
đàn thềm. Trăng mờ vừa ngậm vành non biển.
trời đỏ chưa nhỏ mặt bể xanh. Tiếng sù tương
cổ gặp kêu, vô ngựa đường quai mới động, Đầu
thành mịt mù khói nhạt bay, ngoài trời là tả
móc sớm tỏa. Chính là lúc đạo-sĩ triều chân, vừa
giữa buổi lừng giá hành đạo. Nghìn nhà muốn họ
cửa còn đóng, một đêm sáu rạo công đã thành.
Đương thể mịt mù, quần sinh tất tả. Tuy kinh
rắc ngủ ôm gối nằm, chưa lĩnh trọn đời mở mắt
giấy. Các con Phật ơi ! Nếu cứ suốt đêm chơi
tàng lữ, thì thấy trọn ngày tám lối tám. Đến nỗi
chẳng chới một đời, đều do vẫn vợ hai chữ. Vì
người chỉ mở tia sáng soi, để lại sau này mà
tự xét. Nên biết mạnh người vô tướng, chớ để
lúc này lữ mất. Phải tìm Tịnh-độ ngay trước mắt,
phải nhận Di-đà ở trong lòng.

TỔ HUỆ - NĂNG

Tổ Huệ-năng thường gọi là ngài Lục-lô, nguyên quê ở Phạm-duong thuộc tỉnh Chưc-lê bảy giờ. Tổ họ Lu, cha là Hành-thao, làm quan đời Đường, sau bị cách đày ra Lĩnh-nam, làm dân xứ Tô-châu thuộc tỉnh Quảng-dông bảy giờ.

Tổ mồ coi cha từ nhỏ, cùng mẹ góa phiêu lưu khổ sở, đến ngụ ở phạn Nam-hải, ngày ngày kiếm củi đem ra chợ bán lấy tiền độ nhật. Một ngày kia một người lái buôn củi, cho người đưa ngài đến nhà trọ, ngài bán song củi, lấy tiền lui ra ngoài cửa. Chợt thấy một người khách đương tụng kinh, ngài đứng lắng tai nghe, bỗng thấy tâm tính khai ngộ, mới hỏi xem khách tụng kinh gì?

Khách đáp: Kinh Kim-cương.

Lại hỏi: Kinh này từ đâu đưa lại?

Tôi đem ở chùa Đông-thiền, huyện Hoàng-mai thuộc châu Kỳ lại đây, Chùa ấy do đức Ngũ Tổ Hoằng-Nhãn đại sư chủ trương. Học trò có tới hơn nghìn người, lời thường vẫn đến đó lễ bái được nghe thụ kinh này. Đại-sư thường khuyên Tăng tục nên chuyên tụng kinh Kim-cương sẽ được kiến tính thành Phật ngay.

Tổ nghe nói tự nghĩ: « Chắc mình có nhân duyên kiếp trước đây chăng! », mới nhờ người khách nhận cho mười lạng bạc, cấp dưỡng mẹ già giúp cho mình, rồi thân đến huyện Hoàng-mai vào bái yết đức Ngũ-lô.

Tổ hỏi: « Người ở phương nào? Muốn cầu việc gì? »

Tổ bạch rằng: đệ-tử là kẻ bách tính ở Tân-châu quận Lĩnh-nam, không quản đường xa muốn dạm, tới đây bái yết thầy, chỉ cầu làm Phật, chứ không cầu việc gì cả.

Ngũ-lô nói: « Người là người đất Lĩnh-nam là giống mọi rợ, làm Phật làm sao được! »

Tổ đáp: « Người tuy chia Nam, Bắc khác nhau, nhưng Phật tính vẫn không phân Nam. Bắc. Thành mọi rợ này so với Hòa-thượng khác nhau, song Phật tính có gì sai khác! »

Ngũ-lồ muốn hỏi thêm, song thấy các đồ đệ đứng hầu cả chung quanh, mới truyền lồ lùy tòng chúng Tăng làm việc

Tồ bạch rằng : Bạch Hòa-thượng, tự tâm đệ-tử thường sinh tri-tuệ, sau khi có tri-tuệ rồi, soi tỏ thấy tâm ấy vẫn chẳng lìa tính mình mà tức là ruộng phúc nữa. Chưa rõ Hòa-thượng dạy làm việc gì ? »

Ngũ-lồ nói : « Tên mọi rợ này căn-tính sáng suốt quá, đừng nói nữa, xuống dưới nhà giã gạo đi ! »

Tồ lui vào mé sau. Một vị hành-giả sai ngài bõ củi, giã gạo. Công việc làm như vậy thắm thoát được tám tháng, một ngày Ngũ-lồ bỗng trông thấy tồ bèn bảo rằng

— Người là bực khả dụng, ta lo có kẻ ác hại người, nên không chò người nói nhiều, người có hiểu thắm ý ta chăng ?

Tồ bạch rằng ; Đệ-tử vì hiểu ý thầy, nên không bao giờ giám đi lời trước thềm.

Một hôm Ngũ-lồ gọi các học trò lại bảo rằng :

Này các người ! sự sinh tử là sự lớn nhất của người đời. Lũ người ngày đêm chỉ cầu lấy ruộng phúc, không tìm lối vượt qua bề khổ, để thoát vòng sinh tử, cứ đắm đuối trong bến mê, phúc nào cứu cho được. Các người ai nấy hãy tự xét xem trong tri-tuệ mình, lấy cái tính tri-tuệ của tâm mình, mà làm một bài kệ ta coi. Nếu ai hiểu đại ý, ta sẽ ph-
truyền y-pháp làm tồ thứ sáu. Mau lên, mau lên, không được chậm trễ, nếu còn phải nghĩ ngợi, tức là không đúng rồi. Con người thấy tồ tự tính, rất lời là tồ ngay, cũng như mùa đao vào chạu mới thấy tồ được.

Các học trò lui xuống bảo lẫn nhau rằng : « Chúng ta học vẫn lằm thướt, có làm bài kệ đem trình Hòa-thượng, cũng chẳng ích gì. Chỉ có vị thượng-tọa Thần-tứ hiện đương làm thầy Giáo-thụ, tài đức hơn

minh bao nhiêu, làm kệ tất là được chúng cách. Lũ ta dù có làm cũng bằng thừa.»

Mọi người nghe nói đều, thôi không làm.

Thần tú tự nghĩ: Họ không làm bài kệ vì thấy ta đương làm Giáo-thụ người ta. Ấu là ta phải soạn ngay bài kệ đệ trình Hòa-thượng nếu không thì Hòa-thượng biết tâm trí ta kiến giải nông sâu thế nào? Nhưng còn một điều rất khó nghĩ, nếu ta làm bài kệ có ý cầu pháp thì rất hay nếu làm để mưu địa vị Tồ, thì có khác gì tám phàm - phu cướp ngôi Thánh. Nếu không trình bài kệ, tất không đắc pháp, kệ cũng khó lắm thay!

Trước thềm đức Ngũ tổ, có ba gian hành lang. Tồ định nhờ ông Lôi-chấn - phụng vẽ bức Lăng-già kinh biển tượng và bản đồ huyết mạch năm tổ truyền, nối đề lưu truyền cúng dàng.

Ông Thần-tú làm song bài kệ mấy lần muốn đem trình, nhưng hễ đến trước thềm thì thần tâm hoảng hốt, trong mình ướt đẫm mồ hôi. Trãi hơn bốn ngày, 13 lần đem trình bài kệ, đều không trình được. Ông Thần-tú lấy làm lo nghĩ, sau định viết vào hành-lang, chờ khi Hòa-thượng đi qua, trông thấy hỏi của ai sẽ ra nhận,

Đêm ấy hồi canh ba vắng lặng, tự mình cầm đèn viết bài kệ lên vách hành-lang phía nam.

KỆ RẮNG :

Thân thị bồ-đề thụ,
Tâm như minh kính đài
Thời thời cần phát thức,
Vật sử nhạ trần ai

NGHĨA LÀ :

Cây bồ-đề vì thân này :

Bản tâm sáng suốt như đài gương treo.

Ngày ngày cần phải chùi lau,

Chớ cho cát bụi ở đâu bám vào..

Viết xong, trở về phòng, ngoài không một ai biết cả. Ông Thần-lú nằm không yên, trong óc lần quần nhiều điều nghĩ ngợi : « Sáng mai thầy ta thấy bài kệ, có vẻ vui mừng thì ta có duyên với pháp. Bằng bảo chẳng được, là tự ta mê, nghiệp chướng sâu nặng, không đáng được pháp, ý thánh khó lường, năm canh chần chọc, không sao ngủ được

Ngũ-lô đã biết ông Thần-lú chừa vào lối cửa chưa thấy được linh, sáng ngày ra, bèn gọi thầy Lưu-cung-Phụng đến vách hành lang phía nam vẽ đồ tượng chọt thấy bài kệ, Tồ bảo rằng : Thôi ! Cung-Phụng đừng vẽ nữa, lại uống công tử xa lại. Kinh có nói : « phàm c. hình tượng đều là hư dối ». Tu luyện bài kệ này cho người tụng trì, y bài kệ này tu, khỏi phải đọa và đường giữ, y bài kệ này mà tu có lợi ích lắm ».

Tồ tra lên học trò đốt hương lễ bái và bảo tụng hết bài kệ này sẽ thấy được linh

Học trò tụng bài kệ đều vui mừng khôn xiết.

Canh ba Ngũ-lô gọi ông Thần-lú vào nhà trong, hỏi rằng : Bài kệ này người làm phải không ?

Ông Thần-lú bạch rằng : Chính thực con làm, ý không dám mong địa vị làm Tồ, chỉ xin Hòa thượng lánh thưng, xem đệ-tử có chút trí tuệ nào chăng !

Tồ nói : Người làm bài kệ này chưa thấy được bản linh. Mới đến được cửa ngoài, chưa vào lối cửa trong, kiến giải như thế mà muốn lìm đọa vô thưng vô-dễ sao được ? Muốn tỏ đạo vô thưng vô-dễ, cần phải nghe lời nói rồi biết nguy bản tâm mình, thấy ngay bản tính mình, chẳng sinh chẳng diệt, bất cứ lúc nào, tự thấy luôn luôn, muốn pháp không có đọng vào một chỗ nào. Đã thấy tỏ một tấm chân như, thì hết thấy đều là chân thật cả, muốn cảnh tự « như như », cái tâm « như như » tức là chân thực. Bằng thấy như thế tức là tự lìm vô thưng vô-dễ đó vậy người hãy lui ra một hai ngày nghĩ kỹ, làm một bài

kệ khác đem lại ta xem nếu bài sau này bị vào được cửa rồi, ta sẽ giao phó áo phép cho

Thần-lú làm lễ lui ra, qua vài ngày, bản chưa nghĩ được bài kệ khác, trong lòng bối rối, đứng ngồi không yên.

Vài hôm sau, một chú tiểu đi qua cõi già gạo, hát bài kệ của ông Thần-lú. Tồ Huệ-năng thòat nghe đã biết ngay bài kệ ấy chưa thấy bản tinh, liền hỏi chú tiểu xem bài kệ ở đâu ra

Chú tiểu đáp : Đờ mọii rợ iñưc ! Anh không biết ý thầy muốn truyền phó áo phép, nên bảo các đệ tử làm bài kệ, nếu hiểu được ý nhưn, sẽ chao cho áo phép làm tổ thứ sáu. Vị thượng-tọa Thần-lú viết dâng bài kệ « vô tướng » ở vách hàng hiên phía nam. Đại-sư bảo cả mọi người phải trí tụng, vì cứ y bài kệ này tu khỏi xa vào đường đữ, cứ y bài kệ này tu, sẽ có lợi ích lớn.

Tồ Huệ-năng nói : Nay đàn anh ơi ! Tôi ở đây già gạo đã hơn tám tháng trời, chưa từng đi đến trước thềm, mong đàn anh dẫn tôi đến chỗ vách đề bài kệ, cho tôi được lấy lễ.

Chú tiểu dẫn Tồ Huệ-năng đến trước bài kệ, Tồ Huệ-năng lễ rồi, mới bảo rằng : Huệ-năng này không biết chữ, xin đàn anh đọc cho tôi nghe.

Bấy giờ có chức Giang-châu Biệt-giá họ Trương tên Nhật-dụng đọc to cho tồ Huệ-năng nghe, Tồ nghe xong, bèn nói rằng :

— Tôi cũng có một bài kệ, nhờ Biệt-giá viết hộ tôi. Biệt-giá lấy làm ngạc nhiên, bảo rằng : « Người cũng làm bài kệ, việc ấy thực ít có ».

Tồ Huệ-năng hướng vào Biệt-giá mà rằng :

— Muốn học đạo vô-thượng bồ-đề, không được khinh rẻ kẻ sơ học. Hạng người rất kém, có trí cùng lốt, hạng người cao cả không có một ý trí gì. Nếu khinh người lốt là có tội vô cùng.

Biệt-giá nói : Nếu vậy, bác đọc đi, tôi viết hộ, nếu bác đặc pháp, trước hãy đỡ tôi, chớ quên lời hứa.

Tồ Huệ-năng đọc kệ rằng :

✠ « Bờ dề bản vô thụ,
 « Minh kính diệp phi đài.
 « Bản lai vô nhất vật,
 « Hà xứ nhạ trần ai ? »

NGHĨA LÀ :

Bờ-dề chẳng phải cây gì,
 Tấm gương trong suốt có chi là đài.
 Nguyên không một vật nào rời,
 Còn đâu có chỗ trần ai nhiễm vào.

Viết xong, dờ-chúng lấy làm cảm phục, bảo nhau rằng : « Thực lạ quá ! Người thẽ mà làm được bài kệ như vậy, ai có ngờ ! Thẽ mới biết không nên trông mặt mà bắt hình dung.

Ngũ-lồ thấy mọi người kinh quái, sợ Tồ Huệ-năng bị hại, mới lấy giấy di bài kệ đi và bảo chúng rằng : « Bài kệ này vẫn chưa thấy tỏ linh, chú cũng vắng cho làm phải.

Ngày hôm sau, Ngũ-lồ lặng đến chỗ cối giã gạo, thấy Tồ Huệ-năng đương khom lưng giã gạo, bèn hỏi rằng :

— Người cầu đạo, vì pháp quên mình, phải như thế !

Lại hỏi : gạo giã được chưa ?

Tồ Huệ-năng bạch : gạo đã giã xong, chỉ còn phải dần sàng nữa thôi.

Ngũ-lồ lấy gậy đánh ba cái vào cối gạo, rồi đi.

Tồ Huệ-năng hiểu ý, canh ba hôm ấy vào nhà trong.

Ngũ-lồ lấy áo cà sa mặc cho Tồ Huệ-năng, không cho ai biết cả. rồi nói kinh Kim-cương cho nghe, khi nói

đến câu « Ung vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm ». Tề Huệ-năng đại ngộ hết thầy muốn pháp, mới bạch Ngũ-tổ rằng :

— Nào hay tính mình vốn tự trong sạch, nào hay tính mình vốn chẳng sinh diệt, nào hay tính mình vốn tự trọn đủ, nào hay tính mình vốn không lay động, nào hay tính mình hay sinh muôn phép.

Ngũ-tổ biết là đã ngộ bản tính rồi, mới nói rằng :

— Không biết bản tâm, học pháp vô ích, nếu biết bản tâm của mình, thấy tổ tính của mình, tức gọi là Trượng phu Thiên-nhân sư-Phật.

Nói xong, liền truyền phép « giáo đốn » và áo bát cho Tề Huệ-năng và truyền rằng :

Ta truyền cho người làm tổ đời thứ 6, phải khéo giữ gìn lễ độ cho khắp cả chúng sinh, và lưu truyền mãi mãi về sau.

Đoạn lại nghe bài kệ của ta đây.

Hữu tính lai hạ chủng,
Nhân địa quả hoàn sinh.
Vô tính diệt vô chủng,
Vô tính diệt vô sinh.

NGHĨA LÀ :

Có tính đeo hạt giống vào,
Có nhân sinh quả chẳng bao giờ nhảm,
Vô tính không thể đeo nhân,
Đã không có nhân còn lẫn vào đằm.

TIN TỨC TRONG HỘI PHẬT-GIÁO BẮC-KY

Chức Chánh trụ-trì tại chùa Trung-ương

Mới rồi ban Trị sự và đại chúng có họp một buổi hội-đồng để bầu chức chánh trụ-trì ở Trung-ương (Quảng-sứ) thay Hòa thượng Trung-hậu đã thi Phật bởi năm ngoài.

Hòa-thượng Tế-cát, nguyên Phó Trụ-trì kiêm phó-Giám-đốc ban Thuyết-học đã được suy cử lên chức chánh trụ-trì.

Các chi Hội được thành lập

Chi hội Phục-lễ, thuộc về phủ Thủy-nguyên, tỉnh Kiến-an và chi hội Thương-phúc, phủ Xuân-trường, Nam-định, mới được hội-đồng Trung-ương chuẩn y cho phép thành lập ngày 13-1-41.

Phép quyền được gia hạn

Hội Phật-giáo Bắc-kỳ mới được Quan Thống-sứ Bắc-kỳ cho phép gia hạn 6 tháng nữa để quyền tiến làm chùa Hội-quán Trung-ương, kể từ mồng ba tháng ba tây (3-3-41) đến mồng ba tháng chín tây (3-9-41) thì hết hạn.

Diễn giảng ở các chi hội

Thầy Tuệ-chiếu ở chùa Quảng-sứ có giảng tại chi hội tỉnh Phú-thọ hôm rằm tháng riêng, tức là 10-2-41, về vấn đề : « Tứ-đạo và thập-thiện » và hôm rằm tháng hai tức là 12-3-41 có giảng tại chùa Đại-hành, Hội-quán chi Hội Bắc-ninh về vấn-đề « Phép tu thế gian ».

Cuộc thi cầu đối

Chùa Hội-quán Hội Phật-giáo Bắc-kỳ đã khởi công xây dựng trên hai năm nay, phúc sự đã sắp được hoàn toàn viên mãn.

Kỳ hội-đồng ban trị-sự họp ngày 25-3-41 mới rồi có đề xướng về việc thi cầu đối treo tại chùa chính-diện, nhà Tổ và cửa tam-quan. Cuộc thi này rất là long trọng và có giải thưởng lớn, hội-đồng đã cử hai thầy Tuệ-Chiếu và Trí-Hải dự thảo chương-trình về việc thi ấy để đem trình hội-đồng ký sau duyệt y, rồi đăng lên báo Đốc-tuệ và các báo hàng ngày.

Giới thiệu cùng các sư Tăng-Ny

Nhà chùa dùng dầu lạc làm món ăn hàng ngày, nếu dùng phải dầu lạc xấu hoặc dầu lạc pha lẫn dầu dừa thì rất có hại cho cơ thể và khan tiếng, khan giọng, vì dầu lạc xấu và dầu dừa chỉ hay dùng nấu xà phòng.

Dầu lạc tốt dùng thắp đèn, ngọn sáng trong và thơm, nếu dùng phải dầu xấu hoặc pha dầu dừa, ngọn mờ mùi rất khó chịu.

Bản hiệu rất có cảm tình với các nhà tu hành, nên có tờ báo cáo này, bản hiệu chuyên buôn dầu lạc tốt nhất hạng, không có pha phách gì, dù nhà chùa đến mua một thùng bản hiệu cũng tính theo giá bán buôn.

CHI-FÁT CÔNG-TY

Số 8, Phố Hàng Ngang - Hanoi
Kính bạch

Nên đòi mua cho được dầu lạc có dấu hiệu Chi-Fát công-ty mới là dầu thật tốt nhất hạng, nguyên chất.

MAU KÈO HẾT

Trước bản-quán đã nói rõ kinh Dược-sư giảng-nghĩa bán giá đặc biệt 0\$90 cho đến hết tháng ba thôi. Ngoài ra phải tăng lên 1\$20 vì giấy đắt quá, chẳng còn mấy ngày nữa thì hết tháng ba, xin các Giáo-hữu mua mau kéo đắt và hết nữa. Imp. Đuốc-Tuệ

TẶNG GIÁ CÁC KINH SÁCH

Địa-tạng (đóng thường)	1\$20
— (đóng kỹ)	1.50
Ngũ bách danh	0.50
Đại bi tâm sám	0.15
Kim-cương	0.70
Mạ vàng thêm	0.30

Vì giá giấy đắt quá, bất đắc dĩ Bản-quán phải tăng, xin các Quý-Độc-giả lượng cho.

B. T.

HỢP THO

Phương danh các vị độc giả Đ. T.

Đã trả tiền báo bằng mandat.

MM. Trần-quang-Kỷ, Ninh-hòa.	1 350
Hoàng-công-Ngọc, Haiphong.	3.00
Vũ-trọng-Hàng, Haiphong.	3 00
Nguyễn-văn-Hương, Sadec.	3.00
Trần-Đức-Trình, Đồng-hới.	1.50
Lê-văn-Tiêng, Vũng-liêm.	1.50
Lê-quang-Tập, Quảng-trị	2.00
Trần-văn-Đất, Bắc-liêu.	1 50
Hoàng-ngọc-Các, Bắc-liêu.	1 50
Nguyễn-dinh-Đĩnh. Hanoi.	3 00
Kiều-hữu-Ba, Phát-diệm.	1.50
Lê-thanh-Tần, Long-xuyên	1.50
Nguyễn-văn-Thọ, Thanh Hóa.	1 50
Đặng-công-Trình, Núi-Sập.	1.50
Trương-tấn-Vị, Châu-đốc.	5.70
Kim-cang Thiên-sĩ, Cai-lậy.	3.90
Nguyễn-văn-Ty Septpagodes.	1.50
Lê-dan-Tự, Nam-dinh.	1 50
Phạm-văn-Nguy, Gia đình.	1.50

TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỠ

Mme Trương-thị-Vượng, 53 Boulevard Borgnis desbordes-Hanoi, tạ thế ngày 6 Mars 1941.

Mme Nguyễn-thị-Bồng, 137-Route Bạch-mai Hanoi, tạ thế ngày 7-3-41.

Mme Nguyễn-thị-Hòa, 35-Rue Soeur Antoine, Hanoi, tạ thế ngày 8-3-41

Mme Lê-thị-Nhị, Vientiane (Laos) tạ thế ngày 15 tháng 11 năm Canh-thìn,